

Phụ lục III
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP, KIỂM LÂM, MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG,
UBND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH
NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (27 TTHC)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (21 TTHC)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (10 TTHC)	
01	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Cơ quan có thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng
02	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các cơ quan liên quan
03	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	Chi cục Kiểm lâm; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; UBND cấp huyện nơi có diện tích đất trồng rừng thay thế; Đại diện tổ chức khoa học có liên quan (nếu có); UBND cấp tỉnh
04	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	- Tỉnh Lạng Sơn: UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh, Chi cục Kiểm lâm. - Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam; - Địa phương tiếp nhận trồng rừng thay thế: UBND cấp tỉnh, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh.

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
05	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh, các cơ quan liên quan
06	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	
07	Phê duyệt Chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban điều hành Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh; các cơ quan liên quan
08	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	
09	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính, Sở Công Thương, Chi cục Kiểm lâm, các cơ quan liên quan;
10	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban điều hành Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh; các cơ quan liên quan
II	LĨNH VỰC KIỂM LÂM (09 TTHC)	
11	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh, HĐND tỉnh, các cơ quan liên quan
12	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường
13	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường
14	Quyết định giao rừng cho tổ chức	UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan
15	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường
16	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án tạm sử dụng rừng	Chi cục Kiểm lâm; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND tỉnh; Bộ, ngành chủ quản có liên quan (đối với diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành).

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
17	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Chi cục Kiểm lâm, các cơ quan có liên quan
18	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh, HĐND tỉnh, các cơ quan liên quan
19	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	Chi cục Kiểm lâm; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Cơ quan CITES.
III	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (02 TTHC)	
20	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan có liên quan.
21	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (05 TTHC)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (03 TTHC)	
01	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện, các cơ quan liên quan
02	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện; UBND cấp huyện, các cơ quan liên quan, UBND cấp tỉnh.
03	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện; UBND cấp huyện, các cơ quan liên quan.
II	LĨNH VỰC KIỂM LÂM (02 TTHC)	
04	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	UBND cấp xã, Hạt kiểm lâm, UBND cấp huyện
05	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Hạt Kiểm lâm cấp huyện, UBND cấp huyện

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	LĨNH VỰC KIỂM LÂM (01 TTHC)	
01	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Hạt kiểm lâm,

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG

CỤM TỪ VIẾT TẮT:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC;
- Công chức Bộ phận Một cửa: CCMC;
- Thủ tục hành chính: TTHC;
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Chi cục Kiểm lâm: CCKL
- Kiểm lâm: KL.
- Công chức: CC
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT;
- Kế hoạch - Tài Chính: KH-TC
- Sử dụng và phát triển rừng: SD&PTR
- Quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên: QLVR&BTNN

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (21 TTHC)

I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (10 TTHC)

1. Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương

Thời gian thực hiện TTHC: 30 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng SD&PTR	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ theo quy định của pháp luật, thông báo cho tổ chức nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.	Chuyên viên Phòng SD&PTR	2,5 ngày
B4	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KHTC)	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	1/2 ngày
B6	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Phòng KHTC, Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B8	Tổ chức xác minh, kiểm tra hiện trường (<i>trong trường hợp cần thiết</i>); Tổ chức họp Hội đồng thẩm định.	Hội đồng thẩm định	10 ngày
B9	Tổng hợp ý kiến thẩm định; dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định của Sở NN&MT kèm theo hồ sơ.	Chuyên viên Phòng SD&PTR	02 ngày
B10	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định, trình Lãnh đạo Chi cục.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/2 ngày
B11	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và ký duyệt văn bản xử lý trình Sở NN&MT (qua phòng KHTC)	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày
B12	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý.	Phòng KHTC, Sở NN&MT	01 ngày
B13	Xem xét, ký duyệt văn bản xử lý; trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B14	- Xem xét, ký duyệt Quyết định; - Chuyển kết quả tới TTPVHCC.	Cơ quan có thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng	09 ngày
B15	- Trả kết quả; Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			30 ngày

2. Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý

- Thời gian thực hiện TTHC: 55 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng SD&PTR	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm trình Sở NN&MT ban hành văn bản gửi chủ rừng biết để hoàn thiện và nêu rõ lý do (<i>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ</i>). - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Dự thảo văn bản của Sở NN&MT lấy ý kiến thẩm định của các Sở, ngành, địa phương có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật về hồ sơ điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng. 	Công chức Phòng SD&PTR	02 ngày
B4	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/2 ngày
B5	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày
B6	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở	Phòng KH-TC, Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt văn bản và hồ sơ gửi lấy ý kiến thẩm định của các sở, ngành, địa phương có liên quan	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B8	Tham gia ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan	Các cơ quan nhà nước có liên quan	15 ngày
B9	Tổng hợp ý kiến thẩm định, dự thảo Báo cáo thẩm định và Tờ trình/văn bản của Sở, trình Lãnh đạo Phòng SD&PTR	Công chức Phòng SD&PTR	15 ngày
B10	Xem xét, kiểm tra nội dung văn bản, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	04 ngày
B11	Xem xét, trình Sở ban hành (qua phòng KHTC)	Lãnh đạo CCKL	02 ngày
B12	Kiểm tra nội dung văn bản xử lý; trình Lãnh đạo Sở NN&MT.	Phòng KHTC, Sở NN&MT	02 ngày
B13	Xem xét, ký duyệt báo cáo thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B14	Xem xét, phê duyệt; Chuyển kết quả xử lý cho CCMC của Sở tại TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	10 ngày
B15	- Trả kết quả; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		55 ngày

3. Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế

- **Trường hợp 1:** Không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa

Thời gian thực hiện TTHC: 30 ngày.

- **Trường hợp 2:** Phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa

Thời gian thực hiện TTHC: 45 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng SD&PTR	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày	1/4 ngày
B3	Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Trường hợp nội dung hồ sơ chưa đảm bảo: thông báo nêu rõ nội dung chưa đảm bảo cho cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ biết, hoàn thiện; - Trường hợp hồ sơ đảm bảo: báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ, dự thảo Quyết định thành lập hội đồng thẩm định.	Công chức Phòng SD&PTR	2,5 ngày	2,5 ngày
B4	Kiểm tra văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo phòng SD&PTR	1/2 ngày	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày	1/2 ngày
B6	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt	Phòng KH-TC	01 ngày	01 ngày
B7	Xem xét, phê duyệt quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày	01 ngày
B8	Tổ chức thẩm định hồ sơ. Đối với trường hợp 2: thực hiện thêm bước kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa	Hội đồng thẩm định (gồm: đại diện các Sở NN&MT; Tài chính; UBND cấp huyện nơi có diện tích đất trồng rừng thay thế; đại diện tổ chức khoa học có liên quan (nếu có))	08 ngày	21 ngày
B9	Dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định, văn bản trình Lãnh đạo xem xét; (Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện dự thông báo của Sở nêu rõ lý do)	Công chức Phòng SD&PTR	2,5 ngày	3,5 ngày
B10	Kiểm tra văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo phòng SD&PTR	1/2 ngày	1/2 ngày
B11	Xem xét, ký duyệt văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày	1/2 ngày
B12	Kiểm tra văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở	Phòng KH-TC	01 ngày	02 ngày
B13	Xem xét, ký duyệt các văn bản liên quan trình UBND tỉnh phê duyệt Phương án /văn bản của Sở thông báo hồ sơ không đủ điều kiện (gửi chủ dự án).	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày	01 ngày
B14	Phát hành văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt Phương án/văn bản thông báo hồ sơ không đủ điều kiện gửi chủ dự án và CCMC của Sở tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B15	Xem xét phê duyệt Phương án, chuyển kết quả đến CCMC của Sở tại TTPVHCC. <i>(Trường hợp không phê duyệt thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do)</i>	Lãnh đạo UBND tỉnh	10 ngày	10 ngày
B16	Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức; Thống kê, theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
	Tổng thời gian thực hiện		30 ngày	45 ngày

4. Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế

4.1. Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn

Thời gian thực hiện TTHC: 22 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng SD&PTR	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo: thông báo và nêu rõ nội dung chưa đảm bảo cho cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ biết, hoàn thiện; - Trường hợp hồ sơ đảm bảo: Dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ/văn bản trình UBND cấp tỉnh xem xét, thông báo cho chủ dự án về việc chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp.	Công chức Phòng SD&PTR	01 ngày
B4	Kiểm tra văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo phòng SD&PTR	1/2 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Kiểm tra văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở	Phòng KH-TC	01 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan trình UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B8	Phát hành văn bản, gửi UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản thông báo cho chủ dự án về việc chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B10	Chủ dự án nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	Chủ dự án	10 ngày
B11	Thông báo cho chủ dự án về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	05 ngày
B12	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			22 ngày

4.2. Trường hợp UBND cấp tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn

4.2.1. Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế

Thời gian thực hiện TTHC: 57 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng SD&PTR	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Nội dung hồ sơ chưa đảm bảo: thông báo và nêu rõ nội dung chưa đảm bảo cho cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ biết, hoàn thiện; - Nội dung hồ sơ đã đảm bảo: báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ/văn bản trình UBND cấp tỉnh gửi hồ sơ đề nghị Bộ NN&MT chấp thuận.	Công chức Phòng SD&PTR	01 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Kiểm tra văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo phòng SD&PTR	1/2 ngày
B5	Xem xét văn bản xử lý, trình Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày
B6	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt	Phòng KH-TC	01 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan trình UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B8	Phát hành văn bản, gửi UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B9	Xem xét, phê duyệt văn bản đề nghị gửi Bộ NN&MT	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B10	Ban hành văn bản đề nghị UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế cung cấp thông tin về địa điểm trồng rừng thay thế và đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh	Bộ NN&MT	05 ngày
B11	Ban hành văn bản xác nhận về việc bố trí địa điểm trồng rừng thay thế và đơn giá trồng rừng, gửi Bộ NN&MT	UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế	12 ngày
B12	Bộ NN&MT có văn bản gửi UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế	Bộ NN&MT	03 ngày
B13	Phê duyệt văn bản gửi chủ dự án về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế	Chủ tịch UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền	05 ngày
B14	Chủ dự án nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	Chủ dự án	10 ngày
B15	Chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam; Ban hành văn bản gửi chủ dự án thông báo về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh (nơi chủ dự án nộp hồ sơ)	05 ngày
B16	Điều chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nơi được lựa chọn trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam	10 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B17	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		57 ngày

4.2.2. Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế

Thời gian thực hiện TTHC: 37 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng SD&PTR	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Nội dung hồ sơ chưa đảm bảo: thông báo và nêu rõ nội dung chưa đảm bảo cho cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ biết, hoàn thiện. - Nội dung hồ sơ đã đảm bảo: báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng SD&PTR xem xét.	Công chức Phòng SD&PTR	01 ngày
B4	Kiểm tra văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo phòng SD&PTR	1/2 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày
B6	Kiểm tra văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở	Phòng KH-TC	01 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B8	Phát hành văn bản, gửi UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản thông báo cho chủ dự án về việc chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B10	Chủ dự án nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	Chủ dự án	10 ngày
B11	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ thông báo bằng văn bản về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	05 ngày
B12	Ban hành văn bản thông báo về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế	UBND tỉnh	05 ngày
B13	Nộp bổ sung tiền chênh lệch vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	Chủ dự án	10 ngày
B14	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		37 ngày

4.2.3. Trường hợp Chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế

Thời gian thực hiện TTHC: 42 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng SD&PTR	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Nội dung hồ sơ chưa đảm bảo: thông báo và nêu rõ nội dung chưa đảm bảo cho cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ biết, hoàn thiện; - Nội dung hồ sơ đã đảm bảo: báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ trình Lãnh đạo phòng SD&PTR xem xét.	Công chức Phòng SD&PTR	01 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Kiểm tra văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo phòng SD&PTR	1/2 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày
B6	Kiểm tra văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở	Phòng KH-TC	01 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan trình UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B8	Phát hành văn bản, gửi UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản thông báo cho chủ dự án về việc chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B10	Chủ dự án nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	Chủ dự án	10 ngày
B11	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ thông báo hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	05 ngày
B12	Ban hành văn bản thông báo về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế	UBND tỉnh	05 ngày
B13	Hoàn trả kinh phí chênh lệch cho chủ dự án	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	15 ngày
B14	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi;	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		42 ngày

5. Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý

Thời gian thực hiện TTHC: 45 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng SD&PTR	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo CCKL trình Sở NN&MT ban hành văn bản gửi chủ rừng để hoàn thiện và nêu rõ lý do (<i>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ</i>). - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Chuẩn bị hồ sơ, dự thảo văn bản của Sở gửi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trình Lãnh đạo phòng SD&PTR.	Công chức Phòng SD&PTR	2,5 ngày
B4	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B5	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT(quá phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B6	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Phòng KH-TC	1/4 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt văn bản và hồ sơ gửi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/4 ngày
B8	Ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi Sở NN&MT	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	15 ngày
B9	Tổng hợp ý kiến thẩm định, hoàn thành công tác thẩm định; dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT kèm theo hồ sơ.	Công chức Phòng SD&PTR	11 ngày
B10	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và dự thảo Tờ trình, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	01 ngày
B11	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và dự thảo Tờ trình, trình Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B12	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và dự thảo Tờ trình, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Phòng KH-TC	01 ngày
B13	Xem xét, ký duyệt Tờ trình; trình Chủ tịch UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B14	- Xem xét, ký duyệt Quyết định; - Chuyển kết quả tới TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	10 ngày
B15	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			45 ngày

6. Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý

Thời gian thực hiện TTHC: 45 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng SD&PTR	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo CCKL trình Sở NN&MT ban hành văn bản gửi chủ rừng để hoàn thiện và nêu rõ lý do (<i>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ</i>). - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Chuẩn bị hồ sơ, dự thảo văn bản của Sở gửi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trình Lãnh đạo phòng SD&PTR.	Công chức Phòng SD&PTR	2,5 ngày
B4	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/2 ngày
B5	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày
B6	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Phòng KH-TC	1/2 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt văn bản và hồ sơ gửi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B8	Ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi Sở NN&MT	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	15 ngày
B9	Tổng hợp ý kiến thẩm định, hoàn thành công tác thẩm định; dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT kèm theo hồ sơ.	Công chức Phòng SD&PTR	11 ngày
B10	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và dự thảo Tờ trình, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	01 ngày
B11	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và dự thảo Tờ trình, trình Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	01 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B12	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và dự thảo Tờ trình, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Phòng KH-TC	01 ngày
B13	Xem xét, ký duyệt Tờ trình; trình Chủ tịch UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B14	- Xem xét, ký duyệt Quyết định; - Chuyển kết quả tới TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	10 ngày
B15	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			45 ngày

7. Phê duyệt Chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh

- Thời gian thực hiện TTHC: 28 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng SD&PTR	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 02 ngày, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm: thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 02 ngày kể từ ngày viết phiếu biên nhận. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	Công chức Phòng SD&PTR	2,5 ngày
B4	Kiểm tra văn bản xử lý hồ sơ, trình Ban điều hành Quỹ chủ trì thành lập Hội đồng thẩm định	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	01 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B5	Xem xét, quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; Gửi thông báo thành lập hội đồng thẩm định đến các cơ quan liên quan	Ban điều hành Quỹ	02 ngày
B6	Thẩm định hồ sơ, lập biên bản, báo cáo thẩm định hồ sơ; Dự thảo văn bản trình UBND cấp tỉnh và Quyết định phê duyệt, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ (<i>trước ngày 25/02 hàng năm</i>)	Hội đồng thẩm định	09 ngày
B7	Xem xét, kiểm tra văn bản xử lý, trình UBND tỉnh QĐ phê duyệt	Hội đồng quản lý Quỹ	03 ngày
B8	- Xem xét, quyết định phê duyệt hồ sơ. - Chuyển kết quả tới TTPVHCC.	Lãnh đạo UBND tỉnh	10 ngày
B9	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		28 ngày làm việc

8. Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)

- Thời gian thực hiện TTHC: 12 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng SD&PTR	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 01 ngày, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 01 ngày kể từ ngày viết	Công chức phòng SD&PTR	2,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
	phiếu biên nhận. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: dự thảo thành lập Đoàn kiểm tra		
B4	Kiểm tra văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo phòng SD&PTR	1/2 ngày
B5	Xem xét văn bản xử lý, ký duyệt văn bản trình Sở (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày
B6	Kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Phòng KH-TC	01 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, xác minh hiện trường	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B8	Kiểm tra, xác minh tại hiện trường, xây dựng dự thảo báo cáo thẩm định/dự thảo QĐ miễn, giảm trình Sở	Đoàn kiểm tra, xác minh	03 ngày
B9	Kiểm tra văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở	Phòng KH-TC	1/2 ngày
B10	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B11	Xem xét, quyết định phê duyệt; chuyển kết quả tới tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B12	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		12 ngày làm việc

9. Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức

- Thời gian thực hiện TTHC: 28 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTTN	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLBVR&BTTN	1/4 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời gian quy định, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời gian quy định, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, chuẩn bị hồ sơ gửi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan nhà nước có liên quan	Công chức phòng QLBVR&BTTN	1/2 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL văn bản gửi lấy ý kiến thẩm định	Lãnh đạo phòng QLBVR&BTTN	1/4 ngày
B5	Xem xét văn bản xử lý, ký duyệt văn bản trình Lãnh đạo Sở (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày
B6	Kiểm tra, xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở	Phòng KH-TC	1/2 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt văn bản gửi lấy ý kiến thẩm định	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B8	Gửi hồ sơ và văn bản xin ý kiến thẩm định đến các cơ quan Nhà nước có liên quan	Văn thư Sở NN&MT	1/4 ngày
B9	Lấy ý kiến thẩm định	Các cơ quan Nhà nước có liên quan	10 ngày
B10	Tổng hợp ý kiến thẩm định, dự thảo Báo cáo thẩm định/văn bản trình UBND cấp tỉnh	Công chức phòng QLBVR&BTTN	3,5 ngày
B11	Kiểm tra văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLBVR&BTTN	1,5 ngày
B12	Xem xét, ký duyệt văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B13	Kiểm tra nội dung văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở.	Phòng KH-TC	1,5 ngày
B14	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan trình UBND tỉnh ra quyết định.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B15	Phát hành văn bản, gửi UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B16	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả đến CCMC của Sở tại TTPVHCC.	Lãnh đạo UBND tỉnh	06 ngày
B17	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		28 ngày

10. Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập

- Thời gian thực hiện TTHC: 29 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng SD&PTR	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 02 ngày, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 02 ngày kể từ ngày viết phiếu biên nhận. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Xây dựng dự thảo báo cáo thẩm định; xây dựng văn bản trình UBND cấp tỉnh, văn bản trình HĐND cấp tỉnh	Công chức phòng SD&PTR	2,5 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo phòng SD&PTR	1/2 ngày
B5	Xem xét văn bản xử lý; trình Sở (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày
B6	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở.	Phòng KH-TC	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B8	Xem xét, ký duyệt văn bản trình HĐND cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển loại rừng	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày (Trước kỳ họp HĐND tỉnh gần nhất 15 ngày)
B9	Xem xét hồ sơ, ký duyệt ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển loại rừng	HĐND cấp tỉnh	15 ngày (Sau khi kết thúc kỳ họp)
B10	Ban hành Quyết định chuyển loại rừng; chuyển kết quả tới TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	07 ngày
B11	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			29 ngày

II. LĨNH VỰC KIỂM LÂM (09 TTHC)

1. Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

1.1. Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác không thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành

- Thời gian thực hiện TTHC: 35 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTNN	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTNN	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo CCKL trình Sở NN&MT ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ). - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu tổ	Công chức phòng QLVR&BTNN	1,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	chức kiểm tra, xác minh		
B4	Tổ chức kiểm tra, xác minh về báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và tổ chức thẩm định	Sở NN&MT, CCKL và các đơn vị có liên quan	13 ngày
B5	Báo cáo kết quả thẩm định: - Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, tham mưu văn bản của Sở NN&MT trả lời và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân. - Trường hợp kết quả thẩm định đủ điều kiện: Dự thảo báo cáo của Sở NN&MT trình UBND tỉnh kết quả thẩm định, dự thảo tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	Công chức phòng QLVR&BTNN	05 ngày
B6	Xem xét văn bản xử lý, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo phòng QLVR&BTNN	01 ngày
B7	Xem xét văn bản xử lý, trình lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B8	Kiểm tra văn bản trình lãnh đạo Sở NN&MT	Phòng KH-TC	1,5 ngày
B9	Xem xét, ký báo cáo; trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	1,5 ngày
B10	Xem xét, ký duyệt Tờ trình kèm hồ sơ trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.	UBND tỉnh	10 ngày
B11	Xem xét Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; chuyển kết quả cho UBND tỉnh, TTPVHCC.	HĐND tỉnh	Theo Quy chế làm việc của HĐND tỉnh
B12	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			35 ngày

1.2. Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành

- Thời gian thực hiện TTHC: 48 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTTN	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo CCKL trình Sở NN&MT ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ). - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu tổ chức kiểm tra, xác minh.	Công chức phòng QLVR&BTTN	1,5 ngày
B4	Tổ chức kiểm tra, xác minh về báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và tổ chức thẩm định	Sở NN&MT, CCKL và các cơ quan, đơn vị có liên quan	13 ngày
B5	Báo cáo kết quả thẩm định: - Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, tham mưu văn bản của Sở NN&MT trả lời và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân. - Trường hợp kết quả thẩm định đủ điều kiện: Dự thảo báo cáo của Sở NN&MT trình UBND tỉnh kết quả thẩm định, dự thảo tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	Công chức phòng QLVR&BTTN	05 ngày
B6	Xem xét văn bản xử lý, trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo phòng QLVR&BTTN	01 ngày
B7	Xem xét văn bản xử lý, trình lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B8	Kiểm tra văn bản trình lãnh đạo sở NN&MT	Phòng KH-TC	1,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B9	Xem xét, ký báo cáo, văn bản; trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	1,5 ngày
B10	Xem xét ký ban hành văn bản kèm hồ sơ gửi các bộ, ngành lấy ý kiến	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B11	Tham gia ý kiến bằng văn bản	Các bộ, ngành có liên quan	15 ngày
B12	Tổng hợp ý kiến góp ý của các bộ, ngành có liên quan; trình HĐND tỉnh quyết định	UBND tỉnh	05 ngày
B13	Xem xét Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; chuyển kết quả cho UBND tỉnh, TTPVHCC.	HĐND tỉnh	Theo Quy chế làm việc của HĐND tỉnh
B14	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			48 ngày

2. Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng

- Thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng SD&PTR	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ của chủ rừng, lập dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT	Công chức Phòng SD&PTR	10 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo Tờ trình, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1,5 ngày
B5	Xem xét hồ sơ và dự thảo Tờ trình; trình Sở NN&MT (qua phòng KH-TC).	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B6	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo Tờ trình, trình Lãnh đạo Sở NN&MT.	Phòng KH-TC	01 ngày
B7	Xem xét hồ sơ, ký duyệt Tờ trình, trình UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B8	Xem xét, phê duyệt, chuyển kết quả cho TTPVHCC.	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B9	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			20 ngày

3. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức

- Thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTNN	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTNN	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo CCKL trình Sở NN&MT ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do (<i>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ</i>). - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Lập dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT đề nghị UBND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, dự thảo Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của UBND tỉnh.	Công chức phòng QLVR&BTNN	04 ngày
B4	Xem xét hồ sơ và dự thảo Tờ trình, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo phòng QLVR&BTNN	01 ngày
B5	Xem xét văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	1,5 ngày
B6	Xem xét văn bản, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Phòng KH-TC	01 ngày
B7	Xem xét văn bản trình UBND cấp tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B8	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét, ký ban hành quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. - Trường hợp không quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Ký ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do <i>(Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Sở NN&MT)</i> - Chuyển kết quả cho TTPVHCC. 	Lãnh đạo UBND tỉnh	10 ngày
B9	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.. 	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			20 ngày

4. Quyết định giao rừng cho tổ chức

- Thời gian thực hiện TTHC: 45 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng SD&PTR 	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm trình Sở NN&MT ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do <i>(trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ)</i>. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu tổ chức kiểm tra hồ sơ và thực địa. 	Công chức Phòng SD&PTR	1,5 ngày
B4	<p>Chủ trì kiểm tra hồ sơ giao rừng và nội dung giao rừng theo quy định tại các Điều 14, 15 và 16 Luật Lâm nghiệp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện; UBND cấp xã tổ chức kiểm tra hiện trạng khu rừng tại thực địa dự kiến giao. 	Sở NN&MT, Chi cục Kiểm lâm, UBND cấp huyện, xã, các cơ quan liên quan	22 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Tổng hợp kết quả kiểm tra hồ sơ và thực địa; Dự thảo Tờ trình/văn bản trả lời của Sở kèm theo hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng SD&PTR.	Công chức Phòng SD&PTR	02 ngày
B6	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý; trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	01 ngày
B7	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý; trình Sở NN&MT (qua phòng KH-TC).	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày
B8	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở ban hành.	Phòng KH-TC	01 ngày
B9	Xem xét, ký ban hành Tờ trình, trình UBND tỉnh xem xét quyết định.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B10	Xem xét, phê duyệt.	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B11	Sau khi nhận được Quyết định giao rừng của UBND tỉnh, Sở NN&MT thông báo cho tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có), giao cho Chi cục Kiểm lâm thực hiện bàn giao rừng.	Sở NN&MT	01 ngày
B12	Phối hợp, tổ chức bàn giao rừng tại thực địa cho tổ chức.	Sở NN&MT, Chi cục Kiểm lâm, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	09 ngày
B13	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			45 ngày

5. Phê duyệt phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý

- Thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	CCKL chuyển Phòng SD&PTR		
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu dự thảo văn bản của Sở NN&MT, trả lời và nêu rõ lý do (<i>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ</i>). - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu tổ chức kiểm tra, xác minh; tổng hợp kết quả, xây dựng dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh; lập dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT kèm theo hồ sơ.	Công chức Phòng SD&PTR	5,5 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo phòng SD&PTR	01 ngày
B5	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý; trình Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày
B6	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Phòng KH-TC	01 ngày
B7	Xem xét hồ sơ; ký duyệt báo cáo và Tờ trình, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B8	- Xem xét, quyết định; chuyển kết quả cho TTPVHCC.	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B9	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày

6. Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng

6.1. Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh (không phải lấy ý kiến của bộ, ngành)

- Thời gian thực hiện TTHC: 12 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTTN	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLBVR&BTTN	1/4 ngày
B3	Kiểm tra, xử lý hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, dự thảo văn bản nêu rõ lý do trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: kiểm tra, xác minh về báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị tạm sử dụng rừng và tổ chức thẩm định Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng, xây dựng dự thảo Báo cáo thẩm định và dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT trình UBND tỉnh.	Công chức phòng QLBVR&BTTN	04 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo phòng QLBVR&BTTN	1/2 ngày
B5	Xem xét văn bản xử lý, trình Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày
B6	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Phòng KH-TC	1/2 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B8	Xem xét, quyết định, chuyển kết quả xử lý cho CCMC của Sở tại TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	05 ngày
B9	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		12 ngày làm việc

6.2. Trường hợp đối với diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành (phải lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản)

- Thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLBVR&BTTN	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLBVR&BTTN	1/4 ngày
B3	Kiểm tra, xử lý hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, dự thảo văn bản nêu rõ lý do trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc; - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: kiểm tra, xác minh về báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị tạm sử dụng rừng và tổ chức thẩm định Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng, xây dựng dự thảo Báo cáo thẩm định và dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT trình UBND tỉnh.	Công chức phòng QLBVR&BTTN	04 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo phòng QLBVR&BTTN	1/2 ngày
B5	Xem xét văn bản xử lý, trình Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày
B6	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Phòng KH-TC	1/2 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B8	Xem xét, ký duyệt văn bản kèm hồ sơ gửi bộ, ngành chủ quản	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B9	Xem xét, có ý kiến bằng văn bản gửi UBND cấp tỉnh	Bộ, ngành chủ quản	05 ngày
B10	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả xử lý cho CCMC của Sở tại TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	05 ngày
B11	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		20 ngày làm việc

7. Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ

7.1. Trường hợp không kiểm tra, xác minh

Thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTNN	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLVR&BTNN	1/4 ngày
B3	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ: - Hồ sơ chưa đảm bảo theo quy định: Dự thảo văn bản thông báo nêu rõ lý do. <i>(Trường hợp DN nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin phân loại DN: Hệ thống tự động thông báo cho DN).</i> - Hồ sơ đảm bảo theo quy định: Nhập thông tin vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp; xếp loại doanh nghiệp vào Nhóm I trên Hệ thống; dự thảo văn bản xếp loại doanh nghiệp. <i>(Trường hợp doanh nghiệp đăng ký vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp: Hệ thống tự động phân loại DN)</i>	Công chức phòng QLVR&BTNN	2,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B4	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý; trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo phòng QLVR&BTTN	01 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản xử lý.	Lãnh đạo CCKL	3/4 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản; chuyển kết quả cho TTPVHCC.	Văn thư CCKL	1/4 ngày
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi. (Trường hợp DN nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin phân loại DN: hệ thống tự động thông báo kết quả)	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			05 ngày làm việc

7.2. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh

- Thời gian thực hiện TTHC: 13 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTTN	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLVR&BTTN	1/4 ngày
B3	Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Trường hợp có nghi ngờ những thông tin do doanh nghiệp tự kê khai, cần xác minh làm rõ; Nhập thông tin vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp; Dự thảo văn bản thông báo nêu rõ thời gian, nội dung cần xác minh.	Công chức phòng QLVR&BTTN	2,5 ngày
B4	Tổ chức xác minh, lập biên bản; thông báo kết quả xác minh.	Phòng QLVR&BTTN phối hợp cùng các cơ quan có liên quan	05 ngày
B5	Xếp loại doanh nghiệp vào Nhóm I trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp; dự	Công chức phòng QLVR&BTTN	03 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
	thảo vấn bản thông báo kết quả phân loại. (Trường hợp DN không đáp ứng các tiêu chí theo quy định: dự thảo văn bản thông báo, nêu rõ lý do)		
B6	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	01 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt văn bản xử lý.	Lãnh đạo CCKL	3/4 ngày
B8	Đóng dấu, phát hành văn bản; chuyển kết quả cho TTPVHCC.	Văn thư CCKL	1/4 ngày
B9	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi. (Trường hợp DN nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin phân loại DN: hệ thống tự động thông báo kết quả)	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			13 ngày làm việc

8. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

8.1. Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác không thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành

- Thời gian thực hiện TTHC: 35 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTTN	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo CCKL trình Sở NN&MT ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ).	Công chức Phòng QLVR&BTTN	1,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu tổ chức kiểm tra, xác minh.		
B4	Tổ chức kiểm tra, xác minh về báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và tổ chức thẩm định	Sở NN&MT, CCKL và các cơ quan, đơn vị có liên quan	13 ngày
B5	Báo cáo kết quả thẩm định: - Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, tham mưu văn bản của Sở NN &MT trả lời và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân. - Trường hợp kết quả thẩm định đủ điều kiện: Dự thảo báo cáo của Sở NN&MT trình UBND tỉnh kết quả thẩm định, dự thảo tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	Công chức Phòng QLBVR&BTNN	05 ngày
B6	Xem xét văn bản xử lý, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLBVR&BTNN	01 ngày
B7	Xem xét văn bản xử lý, trình lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B8	Kiểm tra văn bản trình lãnh đạo sở	Phòng KH-TC	1,5 ngày
B9	Xem xét, ký báo cáo, văn bản; trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	1,5 ngày
B10	Xem xét, ký duyệt Tờ trình kèm hồ sơ trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.	UBND tỉnh	10 ngày
B11	Xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; chuyển kết quả cho UBND tỉnh, TTPVHCC.	HĐND tỉnh	Theo Quy chế làm việc của HĐND tỉnh
B12	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			35 ngày

8.2. Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành.

- Thời gian thực hiện TTHC: 48 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTNN 	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTNN	1/4 ngày
B3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo CCKL trình Sở NN&MT ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do (<i>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ</i>). - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu tổ chức kiểm tra, xác minh 	Công chức Phòng QLVR&BTNN	1,5 ngày
B4	Tổ chức kiểm tra, xác minh về báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và tổ chức thẩm định.	Sở NN&MT, CCKL và các đơn vị có liên quan	13 ngày
B5	<p>Báo cáo kết quả thẩm định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, tham mưu văn bản của Sở NN&MT trả lời và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân. - Trường hợp kết quả thẩm định đủ điều kiện: Dự thảo báo cáo của Sở NN&MT trình UBND tỉnh kết quả thẩm định, dự thảo văn bản của tỉnh gửi các bộ ngành lấy ý kiến; dự thảo tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 	Công chức Phòng QLVR&BTNN	05 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Xem xét văn bản xử lý, trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng QLBVR&BTTN	01 ngày
B7	Xem xét văn bản xử lý, trình lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KH-TC)	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B8	Kiểm tra văn bản trình lãnh đạo sở	Phòng KH-TC	1,5 ngày
B9	Xem xét, ký báo cáo, văn bản; trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	1,5 ngày
B10	Xem xét ký ban hành văn bản kèm hồ sơ gửi các bộ, ngành lấy ý kiến	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B11	Tham gia ý kiến bằng văn bản	Các bộ, ngành có liên quan	15 ngày
B12	Tổng hợp ý kiến góp ý của các bộ, ngành có liên quan; trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	UBND tỉnh	05 ngày
B13	Xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Chuyển kết quả cho UBND tỉnh, TTPVHCC.	HĐND tỉnh	Theo Quy chế làm việc của HĐND tỉnh
B14	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			48 ngày

9. Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES

9.1. Trường hợp không cần kiểm tra thực tế

-Thời gian thực hiện TTHC: 04 ngày làm việc x 08 giờ = 32 giờ làm việc.

(Thời gian thực hiện theo quy định: 05 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 01 ngày làm việc).

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, nhập hồ sơ điện tử: - Trường hợp đối với loài không phải là loài Thủy sản: Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư, Lãnh đạo CCKL/Văn thư, Lãnh đạo Văn phòng Sở	02 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	QLBVR&BTTN, CCKL. - Trường hợp đối với loài Thủy sản: Chuyển hồ sơ đến Văn thư Sở, chuyển đến lãnh đạo Văn phòng Sở chuyển đến lãnh đạo Phòng CN,TS&TY.		
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLBVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	02 giờ
B3	Thẩm định nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: thông báo nêu rõ nội dung chưa hợp lệ cho cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ biết, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: xây dựng văn bản cấp Mã số cơ sở nuôi, trồng.	Chuyên viên phòng QLBVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	12 giờ
B4	Kiểm tra nội dung hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT văn bản cấp Mã số	Lãnh đạo Phòng QLBVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	06 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt vào văn bản cấp Mã số và các văn bản liên quan	Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT	08 giờ
B6	- Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho TTPVHCC; - Gửi thông tin Mã số cơ sở về Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam.	Bộ phận Văn thư	02 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		32 giờ làm việc

9.2. Trường hợp cần kiểm tra thực tế đối với loài nuôi, trồng là loài lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại cơ sở thuộc các nhóm sau:

- Loài động vật hoang dã không phải là loài thuộc phụ lục II, III Cites thuộc các lớp chim, thú, bò sát; Các loài thủy sản nguy cấp quý hiếm nhóm II và loài thủy sản hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II, III Cites;

- Loài thực vật rừng nguy cấp quý, hiếm nhóm II và thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II, III Cites.

- Thời gian thực hiện TTHC: 08 ngày.

(Thời gian thực hiện theo quy định: 30 ngày, thời gian đã cắt giảm: 22 ngày).

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	<p>Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, nhập hồ sơ điện tử:</p> <p>- Trường hợp đối với loài không phải là loài Thủy sản: Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL chuyên Lãnh đạo CCKL chuyên Phòng QLBVR&BTTN, CCKL.</p> <p>- Trường hợp đối với loài Thủy sản: Chuyển hồ sơ đến Văn thư Sở, chuyển đến lãnh đạo Văn phòng Sở chuyển đến lãnh đạo Phòng CN,TS&TY.</p>	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư, Lãnh đạo CCKL/Văn thư, Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLBVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	1/4 ngày
B3	<p>Thẩm định nội dung hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: thông báo nêu rõ nội dung chưa hợp lệ cho cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ biết, hoàn thiện.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiến hành kiểm tra thực tế cơ sở nuôi, trồng; xây dựng văn bản cấp Mã số.</p>	Chuyên viên Phòng QLBVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	04 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Chi cục văn bản cấp Mã số	Lãnh đạo Phòng QLBVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	01 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt vào văn bản cấp Mã số và các văn bản liên quan	Lãnh đạo CCKL/Sở NN&MT	02 ngày
B6	<p>- Đóng dấu, chuyển văn bản cho TTPVHCC;</p> <p>- Gửi thông tin Mã số cơ sở về Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam</p>	Văn thư CCKL/Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	<p>- Trả kết quả giải quyết;</p> <p>- Thống kê, theo dõi</p>	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		08 ngày

9.3. Trường hợp cần kiểm tra thực tế đối với loài nuôi là loài thuộc Phụ lục II và III CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở.

- Thời gian thực hiện TTHC: 23 ngày.

(Thời gian thực hiện theo quy định: 30 ngày; thời gian đã cắt giảm: 07 ngày)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTNN	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLVR&BTNN	1/4 ngày
B3	Thẩm định nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: thông báo nêu rõ nội dung chưa hợp lệ cho cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ biết, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ đã hợp lệ: + Xây dựng văn bản đề nghị Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận việc ảnh hưởng hoặc không ảnh hưởng của việc nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên; + Kiểm tra thực tế cơ sở nuôi, trồng.	Công chức phòng QLVR&BTNN	05 ngày
B4	Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận việc ảnh hưởng hoặc không ảnh hưởng của việc nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên;	Cơ quan khoa học CITES Việt Nam	15 ngày
B5	Tổng hợp hồ sơ, xây dựng văn bản cấp Mã số	Công chức Phòng QLVR&BTNN	1/2 ngày
B6	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Chi cục văn bản cấp Mã số	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTNN	1/2 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt vào văn bản cấp Mã số và các văn bản liên quan	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B8	- Đóng dấu, chuyển TTPVHCC; - Gửi thông tin Mã số cơ sở về Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam.	Văn thư CCKL	1/2 ngày
B9	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		23 ngày

III. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (02 TTHC)

1. Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 24,5 ngày làm việc (*Thời gian thực hiện theo quy định: 35 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 10,5 ngày làm việc*)

Trong đó:

- Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định, ban hành quyết định cấp phép: Trong thời hạn 20,5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTTN	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	1/4 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân không quá 05 ngày kể từ ngày viết phiếu biên nhận. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo	Công chức Phòng QLVR&BTTN	15,5 ngày
B4	Xem xét xử lý văn bản; trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	01 ngày
B5	Xem xét xử lý văn bản; trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B6	Xem xét, duyệt ký văn bản liên quan, chuyển Văn thư Sở, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B7	Đóng dấu, phát hành văn bản trình UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B8	Xem xét, phê duyệt văn bản, chuyển kết quả về TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 ngày
B9	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			24,5 ngày làm việc

2. Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học

Thời gian thực hiện TTHC: 42 ngày.

(Thời gian thực hiện theo quy định: 60 ngày, thời gian đã cắt giảm: 18 ngày)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTTN	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	1/4 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân không quá 05 ngày kể từ ngày viết phiếu biên nhận. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo	Công chức Phòng QLVR&BTTN	31 ngày
B4	Xem xét xử lý văn bản, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	01 ngày
B5	Xem xét xử lý văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B6	Xem xét, duyệt ký văn bản liên quan, chuyển Văn thư Sở, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Đóng dấu, phát hành văn bản trình UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B8	Xem xét, phê duyệt văn bản, chuyển kết quả về TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B9	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			42 ngày

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (05 TTHC)

I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (03 TTHC)

1. Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng

Thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ. Chuyển hồ sơ đến Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc Phòng NN&MT cấp huyện	CCMC cấp huyện	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Hạt KL cấp huyện /Lãnh đạo Phòng NN&MT cấp huyện	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc Phòng NN&MT cấp huyện văn bản trả lời và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu tổ chức kiểm tra, hiện trường.	Kiểm lâm viên Hạt KL cấp huyện /Chuyên viên Phòng NN&MT cấp huyện	1/2 ngày
B4	- Tổ chức kiểm tra, lập biên bản kiểm tra hiện trường; Chuyển kết quả giải quyết cho CCMC cấp huyện.	Hạt KL cấp huyện/ Phòng NN&MT cấp huyện; UBND cấp xã; chủ rừng hoặc chủ đầu tư dự án có rừng bị thiệt hại	04 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B5	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi. 	CCMC cấp huyện/Kiểm lâm viên Hạt KL cấp huyện/Chuyên viên Phòng NN&MT cấp huyện	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			05 ngày làm việc

2. Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân.

Thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ. Chuyển hồ sơ đến Phòng NN&MT cấp huyện	CCMC cấp huyện	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng NN&MT cấp huyện	1/4 ngày
B3	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho chủ rừng trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu xác minh hồ sơ. 	Chuyên viên Phòng NN&MT cấp huyện	01 ngày
B4	Tham mưu UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xác minh hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không hỗ trợ lãi suất tín dụng: lập biên bản xác minh, báo cáo xác minh và dự thảo văn bản của UBND tỉnh thông báo nêu rõ lý do cho cá nhân/hộ gia đình nộp hồ sơ biết. - Trường hợp hỗ trợ lãi suất tín dụng: lập biên bản xác minh, báo cáo xác minh, dự thảo quyết định của UBND tỉnh hỗ trợ lãi suất tín dụng 	Phòng NN&MT cấp huyện, các cơ quan liên quan	10 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo UBND cấp huyện	02 ngày
B6	Xem xét, ký ban hành quyết định phê duyệt hỗ trợ tín dụng/Văn bản trả lời không hỗ trợ; Chuyển kết quả tới UBND cấp huyện.	Lãnh đạo UBND tỉnh	06 ngày
B7	Chuyển kết quả giải quyết cho CCMC cấp huyện.	Văn thư UBND cấp huyện	1/2 ngày
B8	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC cấp huyện	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		20 ngày

3. Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái

- Thời gian thực hiện TTHC: 22 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, chuyển hồ sơ cho Phòng NN&MT cấp huyện	CCMC cấp huyện	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng NN&MT cấp huyện.	1/4 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời gian quy định, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời gian quy định, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo.	Chuyên viên Phòng NN&MT cấp huyện	01 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý, trình Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét lấy ý kiến thẩm	Lãnh đạo Phòng NN&MT cấp	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	định.	huyện	
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản lấy ý kiến thẩm định	Lãnh đạo UBND cấp huyện	1/2 ngày
B6	Gửi hồ sơ và văn bản xin ý kiến thẩm định đến các cơ quan Nhà nước có liên quan	Văn thư UBND cấp huyện	1/2 ngày
B7	Tham gia ý kiến thẩm định	Các cơ quan Nhà nước có liên quan	07 ngày
B8	Tổng hợp ý kiến thẩm định, dự thảo Báo cáo thẩm định/văn bản trình UBND cấp huyện	Chuyên viên Phòng NN&MT cấp huyện.	07 ngày
B9	Kiểm tra văn bản xử lý, trình Lãnh đạo UBND cấp huyện.	Lãnh đạo Phòng NN&MT cấp huyện.	02 ngày
B10	Xem xét, ký duyệt quyết định	Lãnh đạo UBND cấp huyện	2,5 ngày
B11	Đóng dấu, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC cấp huyện	Văn thư UBND cấp huyện	1/2 ngày
B12	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi	CCMC cấp huyện	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		22 ngày

II. LĨNH VỰC KIỂM LÂM (02 TTHC)

1. Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng

Thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả, chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện	CCMC cấp huyện/CC Hạt KL cấp huyện	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ của chủ rừng, lập dự thảo Tờ trình kèm theo hồ sơ.	Công chức Hạt Kiểm lâm cấp huyện	13,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, ký duyệt Tờ trình, trình UBND cấp huyện	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện	01 ngày
B5	- Xem xét, phê duyệt quyết định thu hồi rừng; - Chuyển kết quả cho CCMC cấp huyện	Lãnh đạo UBND cấp huyện	05 ngày
B6	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC cấp huyện	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			20 ngày

2. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân

- Thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả., chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Công chức Hạt Kiểm lâm cấp huyện	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện	1/2 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo Hạt Kiểm lâm ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do (<i>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ</i>). - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Lập và trình Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm dự thảo Tờ trình đề nghị UBND huyện quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; dự thảo Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của UBND huyện.	Công chức Hạt Kiểm lâm cấp huyện	07 ngày
B4	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình UBND cấp huyện	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện	02 ngày
B5	- Xem xét, ký ban hành quyết định quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. - Trường hợp không quyết định chuyển mục	Lãnh đạo UBND cấp huyện	10 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do (<i>Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Hạt Kiểm lâm cấp huyện</i>). - Chuyển kết quả cho BPMC cấp huyện		
B6	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC cấp huyện	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			20 ngày

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KIỂM LÂM CẤP XÃ (01 TTHC)

1. Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư.

- Thời gian thực hiện TTHC: 50 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả, chuyển hồ sơ đến lãnh đạo UBND cấp xã.	CCMC cấp xã	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp xã	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do (<i>trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ</i>). - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu UBND cấp xã chuyển đề nghị giao rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư gửi đến Hạt Kiểm lâm cấp huyện.	Công chức chuyên môn UBND cấp xã	4,5 ngày
B4	Kiểm tra nội dung giao rừng, kiểm tra hiện trạng khu rừng tại thực địa: - Phối hợp với Phòng NN&MT kiểm tra nội dung giao rừng, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra hiện trạng khu rừng tại thực địa; - Lập Tờ trình kèm theo hồ sơ trình UBND cấp huyện xem xét, quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	30 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	- Trường hợp không đủ điều kiện, Hạt Kiểm lâm cấp huyện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.		
B5	- Xem xét, quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; Trường hợp không đủ điều kiện quyết định, ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do. - Chuyển kết quả đến Hạt Kiểm lâm, UBND cấp xã.	Lãnh đạo UBND cấp huyện	05 ngày
B6	Tổ chức bàn giao rừng tại thực địa cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.	Hạt Kiểm lâm cấp huyện, UBND cấp xã	10 ngày
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			50 ngày